TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2021/KDTM-ST
Ngày: 15-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Hoài Thị Hà Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2021/TLST-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-KDTM ngày 10/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ trụ sở chính: Số 77 T, quận H, thành phố Hà Nội; địa chỉ chi nhánh: Số 15 T, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đào Việt A sinh năm 1981; địa chỉ: Số 15 T, quận N, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền số 30/UQ-TGĐ ngày 10/02/2020) vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại T; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Vũ Thị L - Chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại T; vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vũ Thị L sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

2. Ông Vũ Văn T sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nhận ngày 15/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) đều trình bày:

Giữa Ngân hàng với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại T (Sau đây viết tắt là Công ty) có quan hệ tín dụng. Tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HDHM-PN/SHB.HP.LT ngày 09/01/2012 số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay 700.000.000 đồng (Sau đây viết tắt là Hợp đồng số 01). Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn và lãi suất vay theo thỏa thuận. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 298,5m^2 và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 606A, tờ bản đồ 30 tại địa chỉ thôn L, xã Đ, huyện A đứng tên chủ sử dụng là ông Hoàng Văn T và bà Tạ Thị N; Quyền sử dụng đất diện tích 360m^2 và các tài sản gắn liền trên đất tại thôn N, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương đứng tên chủ sử dụng là ông Vũ Xuân D và bà Vũ Thị L và Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 819, tờ bản đồ 01 tại địa chỉ thôn T, xã Q, huyện T đứng tên chủ sử dụng là ông Đỗ Văn M. Tài sản thế chấp đều được công chứng và đăng kí giao dịch bảo đảm theo quy định.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ Công ty mới trả được một phần nợ gốc và lãi nên bị quá hạn từ ngày 31/7/2013, mặc dù Ngân hàng thường xuyên yêu cầu trả nhưng đều không thực hiện được. Ngân hàng và bên thế chấp tài sản đã thỏa thuận thực hiện xong việc giải chấp các tài sản thế chấp ở trên để Ngân hàng thu hồi nợ gốc (tài sản của ông Dg, bà L và của ông M đã giải chấp xong trước khi Ngân hàng khởi kiện). Sau khi Tòa án thụ L đơn kiện, ngày 22/6/2021 giữa Ngân hàng với ông T, bà N đã thỏa thuận việc trả nợ và giải chấp xong tài sản cuối cùng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả nợ tổng số nợ lãi tính đến ngày 23/6/2021 là 464.991.196 đồng; trong đó nợ lãi quá hạn là 105.055.979 đồng; lãi phạt chậm trả là 375.409.036 đồng. Ngày 13/9/2021 Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt chậm trả chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi quá hạn là 105.055.979 đồng. Do Công ty đã bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền rút Giấy phép đăng kí kinh doanh nên trường hợp Công ty không trả được nợ thì bà L, ông T là cổ đông phải có trách nhiệm liên đới trả nợ thay.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 30, 35, 39, 147, 227, 238, và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 116, 119, 274, 280, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự (BLDS); khoản 2 Điều 201 của Luật Doanh nghiệp 2014; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn, bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ Ngân hàng số tiền 105.055.979 đồng. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 375.409.036 đồng do nguyên đơn đã rút. Bị đơn, bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn T phải liên đới chịu lãi suất chậm thi hành án và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn có trụ sở tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ L giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Tại thông báo thụ lý vụ án số 11/2021/TLST-KDTM ngày 02/6/2021 Tòa án xác định ông Hoàng Văn T và bà Tạ Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo nội dung đơn khởi kiện do có tài sản thế chấp. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 22/6/2021 giữa Ngân hàng với ông T, bà Năm đã thỏa thuận việc trả nợ và giải chấp xong tài sản; ngày 06/7/2021 Tòa án đã ban hành Thông báo số 11 xác định ông T, bà N không còn liên quan đến vụ án, không phải tham gia giải quyết trong vụ án nữa.

[2.2] Năm 2019 Công ty đã bị Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng rút Giấy phép đăng kí kinh doanh nên Tòa án đã bổ sung hai thành viên góp vốn là bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn T tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2.3] Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ Điều 227 của BLTTDS Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ tín dụng và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ lãi quá hạn: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, khẳng định được giữa Ngân hàng với Công ty có quan bởi Hợp đồng số 01. Ngày 31/7/2013 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ T toán nên khoản nợ đã bị quá hạn. Quá trình đôn đốc trả nợ, giữa Ngân hàng và bên thế chấp tài sản đã thỏa thuận trả cho Ngân hàng xong toàn bộ nợ gốc; không bên nào có ý kiến hay khiếu nại gì. Do tiền gốc đã hết nên không phát sinh thêm tiền lãi quá hạn nên đến ngày xét xử bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lãi quá hạn là 105.055.979 đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các điều 117, 463 và 466 của BLDS; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng. Việc Ngân hàng yêu cầu bà L, ông T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cần xem xét trên cơ sở quy định của pháp luật.

[4] Việc bị rút Giấy phép đăng kí kinh doanh của bị đơn: Tài liệu Tòa án thu thập được thể hiện Công ty có hai thành viên góp vốn là bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn T. Năm 2019 do Công ty vi phạm pháp luật về nghĩa vụ tài chính nên đã bị Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng rút Giấy phép đăng kí kinh doanh nhưng chưa bị giải thể, phá sản. Tại thời điểm bị rút giấy phép, Luật Doanh nghiệp 2014 đang có hiệu lực thi hành; theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật này thì trường hợp bị thu hồi giấy đăng kí doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm T toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Tài liệu Tòa án thu thập xác định Công ty chưa được giải thể nên bị đơn và thành viên góp vốn là bà L, ông T cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với số nợ 105.055.979 đồng.

[5] Về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt chậm trả là 375.409.036 đồng của nguyên đơn. Đây là trường hợp đương sự rút một phần yêu cầu khởi kiện, việc rút yêu cầu là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 219, Điều 244 của BLTTDS nên xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[6] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 2.626.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 201 của Luật Doanh nghiệp 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại T, bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền lãi quá hạn là 105.055.979 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HDHM-PN/SHB.HP.LT ngày 09/01/2012.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 375.409.036 đồng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã rút.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại T, bà Vũ Thị L và ông Vũ Văn T phải có trách nhiệm liên đới nộp số tiền 2.626.000 đồng.

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 14.300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, biên lai số 0013194 ngày 02/6/2021.

Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại T; bà Vũ Thị L; ông Vũ Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS h. An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng